TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 196/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 07 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG NINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 196/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1974

Nơi cư trú: tổ A, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh

- Ông Trịnh Ngọc C, sinh năm 1969

Nơi cư trú: tổ A, khu D, phường H, tỉnh Quảng Ninh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 10/01/1992 tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã H, tỉnh Quảng Ninh, nay là Ủy ban nhân dân phường C, tỉnh Quảng Ninh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng gần 30 năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không thể chia sẻ và thông cảm cho nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống căng thẳng, mệt mỏi. Bà N1 và ông C đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ năm 2024 đến nay, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Mâu thuẫn đã trầm trọng, tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Về con chung: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C có 02 con chung là Trịnh Ngọc H, sinh ngày 07/5/1993 và Trịnh Thị Thu U, sinh ngày 07/01/2000. Vì con chung Trịnh Ngọc H và Trịnh Thị Thu U đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí Tòa án: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C thỏa thuận ông Trịnh Ngọc C chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: con chung là Trịnh Ngọc H, sinh ngày 07/5/1993 và Trịnh Thị Thu U, sinh ngày 07/01/2000 đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất và tâm thần, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Hoàng Thị N và ông Trịnh Ngọc C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: không.

2. Về lệ phí Tòa án: ông Trịnh Ngọc C tự nguyện chịu toàn bộ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001685 ngày 21/4/2026 của Thi hành án

dân sự tỉnh Quảng Ninh. Ông Trịnh Ngọc C đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND khu vực 1 - Quảng Ninh;
- THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH: UBND phường C, thị xã H, tỉnh Quảng Ninh, nay là UBND phường C, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hải Ninh